

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST

Ngày 09-8-2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Đùng.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 667/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017 về việc *“Tranh chấp hôn nhân gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1975.

Trú tại: Đường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Chí H - Sinh năm 1973.

Trú tại: Đường K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Chí H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, do không hiểu biết pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông bà đã có với nhau 04 con chung, là cháu Nguyễn Đức Đ - Sinh năm 1993; Nguyễn Thị Trúc L - Sinh năm 1995; Nguyễn Anh K - Sinh năm 1999 và Nguyễn Ngọc Yến V - Sinh năm 2011. Thời gian gần đây ông

bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Nay bà T làm đơn đề nghị tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng. Ông H thừa nhận những vấn đề mà bà T trình bày là đúng và đề nghị Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Đối với các cháu Nguyễn Đức Đ và Nguyễn Thị Trúc L đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết. Đối với các cháu K và V ông bà thỏa thuận giao cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Chí H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng đến nay vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Chí H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Nguyễn Anh K - Sinh năm 1999 và Nguyễn Ngọc Yến V - Sinh năm 2011 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên giao các cháu K, V cho bà T là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, Điều 147, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8; 14; 51, khoản 2 Điều 53; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Chí H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Anh K - Sinh năm 1999 và Nguyễn Ngọc Yến V - Sinh năm 2011 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai 0000779 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú